

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BH
TỈNH DN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 236/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14-7-2023

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BH – TỈNH DN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Q

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim C

Bà Vương Thị Khánh L

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Tr – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố BH, tỉnh DN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BH: Bà Nguyễn Thị Đ – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BH, tỉnh DN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 669/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 278/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị L**, sinh năm 1989.

HKTT: Thôn Lang Ca, xã YS, thị xã TĐ, tỉnh NB.

Tạm trú: 68 NLB, phường VH, thành phố HD, tỉnh HD.

- Bị đơn: Anh **Võ Đức H**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 1B, tổ 3, khu phố 2A, phường TD, thành phố BH, tỉnh DN.

(Chị L có đơn xin vắng mặt, anh H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai và theo biên bản hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn – Chị Vũ Thị L, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Võ Đức H tự nguyện kết hôn với nhau năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TD, thành phố BH, tỉnh DN, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H ham mê cờ bạc, không lo làm ăn vụ đắp cho cuộc sống gia đình. Vì không muốn gia đình đổ vỡ nên đã nhiều lần vợ chồng ngồi lại tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Từ năm 2019 chị và anh H sống ly thân cho đến nay, chị về bắc sinh sống và làm ăn không liên lạc gì với anh H. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – Anh Võ Đức H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc và tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày tại Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BH phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai nên bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị L; Về con chung: Không có; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết; về án phí: Chị Vũ Thị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Vũ Thị L xin ly hôn anh Võ Đức H. Theo biên bản xác minh ngày 18/4/2023 thể hiện, anh Võ Đức H có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại địa chỉ số 1B, tổ 3, khu phố 2A, phường TD, thành phố BH, tỉnh DN. Căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BH, tỉnh DN.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các quyết định tố tụng cho Chị L, anh H. Tuy nhiên, Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị L và anh Võ Đức H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TD, thành phố BH, tỉnh DN ngày 12/12/2017, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo các điều điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của Chị L là có cơ sở chấp nhận vì:

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh

phúc. Thực tế, theo như Chị L trình bày, quá trình chung sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm và tính cách, không còn tôn trọng lẫn nhau. Chị L nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh H.

Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị L và anh H. Theo biên bản xác minh mâu thuẫn ngày 18/4/2023 thể hiện, địa phương không biết thông tin mâu thuẫn vợ chồng do Chị L, anh H không trình báo với địa phương. Theo đơn xác nhận của Công an xã YS, thị xã TĐ, tỉnh NB thì hiện any Chị L đã chuyển khẩu về địa chỉ Thôn Lang Ca, xã YS, thị xã TĐ, tỉnh NB. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh H theo quy định nhưng anh H không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình, điều đó cho thấy anh H đã bỏ mặc hôn nhân của mình không muốn hàn gắn lại với Chị L.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa Chị L và anh H đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng. Anh H cũng không tích cực trong việc hàn gắn, níu kéo mối quan hệ vợ chồng với Chị L, thể hiện ở sự bỏ mặc, không đến Tòa án để làm việc, hòa giải, xét xử khi Chị L nộp đơn khởi kiện xin ly hôn. Mâu thuẫn giữa vợ chồng của Chị L và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên nền tảng bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ nhưng hiện nay Chị L và anh H đã không còn quan tâm, chăm sóc, không liên hệ gì với nhau, cả hai không có biện pháp gì để hàn gắn lại. Quá trình giải quyết Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng Chị L vẫn cương quyết ly hôn do không còn tình cảm gì với anh H nữa. Do đó, Tòa án căn cứ vào các Điều 51, 54, 56, 57, 58 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị Vũ Thị L được ly hôn với anh Võ Đức H.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Vũ Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định. Anh Võ Đức H không phải nộp án phí.

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BH phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị L được ly hôn với anh Võ Đức H.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Vũ Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định. Trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Chị L đã nộp theo biên lai thu số 0006532 ngày 02/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BH, Chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Võ Đức H không phải nộp án phí.

6. Quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị L và anh Võ Đức H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Tòa án tỉnh ĐN;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. BH;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. BH;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VP – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Q